

Đánh chữ Hán - Nôm

____ **Đỗ Thông Minh**

1. Quá Trình Tạo Chữ Quốc Ngữ Trên Máy Điện Toán

Trong thời đại máy điện toán, từ khoảng năm 1985, nhiều người Việt đã nghĩ tới việc đưa chữ Quốc Ngữ vào để giúp cải thiện việc sắp chữ Việt, vốn là công việc của các nhà in chuyên môn. Thiết kế chữ Quốc Ngữ chỉ cần thêm mấy dấu thanh, vài mẫu âm và tử âm đặc biệt của tiếng Việt vào bộ chữ Âu-Mỹ sẵn có và chúng ta đã có khoảng 200 bộ chữ Quốc Ngữ. Việc này tới nay coi như đã giải quyết xong, tuy rằng vẫn còn khó khăn trong việc thống nhất bộ mã, bàn phím hay cách đánh.

Ở hải ngoại hiện có khoảng 20 bộ mã (chỉ có khoảng 5 bộ thông dụng) và trong nước khoảng 7, 8 bộ mã. Khoảng năm 1996, Việt Nam đã đưa ra bộ mã chuẩn mà các bộ chữ BKET hay abc... dùng. Nhưng vì bộ mã chuẩn Việt Nam xuất hiện quá trễ, nên chỉ chiếm khoảng 30% số người trong nước dùng. Trong khi đó, một số bộ mã ở trong nước chế tạo hay của bộ chữ VNI ở hải ngoại đã tràn ngập trong nước, chưa kể của IBM, nhất là của Micosoft trong phiên bản Windows 95/98 tiếng Việt đang dần dần chiếm ưu thế.

2- Chữ Hán

Chữ Hán có vết tích khoảng 1,500-2,000 năm trước tại lưu vực sông Hoàng Hà, nay lan truyền khắp Đông Á và thế giới. Khoảng 500 năm trước Tây Lịch, nhà Tần thống nhất Trung Hoa và đã ra lệnh cho Lý Tư thống nhất lối viết chữ Hán nhưng vẫn có nhiều lối đọc tùy theo ngôn ngữ địa phương. Từ năm 112 trước Tây Lịch, Trung Hoa bắt đầu cai trị Việt Nam và đưa chữ Hán vào, như: "1, 2, 3...", đọc theo tiếng Quảng Đông là: "dách, di, sám...". Khi ấy, người Việt chỉ có tiếng nói là tiếng Nôm như: "một, hai, ba..." nhưng hầu như chưa có chữ viết riêng. Do đó, dưới 1,000 năm đô hộ, giới trí thức Việt Nam học tiếng Hoa và viết chữ Hán như sau này thời Pháp thuộc học và nói tiếng Pháp.

Cho đến khi Ngô Quyền giành lại độc lập năm 939, người Việt mới bắt đầu phiên âm cách đọc các chữ Hán theo tiếng Việt gọi là âm Hán-Việt như: "nhất, nhị, tam...".

3- Chữ Nôm Là Gì?

Người Việt thường hay nói "Nôm na", chữ "Nôm", tiếng "Nôm" nhưng có lẽ đại đa số chưa có dịp nhìn mặt chữ Nôm, hoặc có thấy thì lại tưởng là chữ Hán, vì không phân biệt được sự khác biệt giữa chữ Nôm và Hán.

Từ thế kỷ 13, bắt đầu có dấu vết của chữ Nôm, là thứ chữ dựa theo cách tạo chữ Hán gọi là lục thư để chế ra chữ mới nhằm diễn tả âm Nôm, phân biệt với chữ Hán, âm Hán và âm Hán-Việt.

Thí dụ: Gặp chữ "- ", âm Hán là "dách" theo Quảng Đông, âm Hán-Việt đọc là "nhất" nghĩa là "một".

Như trên vừa trình bày, người Việt hầu như chưa có chữ viết để diễn tả chữ "một" là tiếng Nôm (Thực ra, người Việt cổ đã có chữ Khoa Đầu viết như đuôi nòng nọc, là văn tự của người Mường ở Thanh Hóa gọi là chữ Châu với 35 chữ cái, còn được khắc trên đền tháp Poh Ino Nogar ở Nha Trang... nhưng thứ chữ này bị chữ Hán lấn át mai một đi). Nên người Việt khi ấy mới đặt ra chữ Nôm để diễn tả tiếng Nôm: "một, hai, ba...". Trường hợp của Nhật Bản (gọi là Quốc Tự) và Đại Hàn cũng xảy ra tương tự như vậy.

Chữ Nôm là loại ký tự do người Việt dựa vào cách tạo chữ Hán mà đặt ra, nên người Hoa và Nhật không đọc được. Tuy vậy cũng có một số chữ Nôm hoàn toàn viết y như Quốc Tự của Nhật, không biết do "chí lớn" gặp nhau hay do dịp giao lưu văn hóa nào mà có sự trùng hợp như vậy? Hai lối tạo chữ Nôm thông dụng nhất là Giả Tá và Hải Thanh mà Nhật Bản gọi là Hình Thanh.

- Giả Tá tức là mượn âm mà không mượn ý như: chữ "một", mượn chữ có âm Hán-Việt là "Một" với nghĩa "mai một" làm chữ Nôm chỉ số một (1), "Ba" là ba (3).

- Hải Thanh là một bên chỉ ý và một bên chỉ âm (có khi cả ý), như chữ Nôm: "hai" là (2), gồm phần sau là

chữ "nhị" chỉ ý hai (2), và phần trước là chữ "đài" để chỉ âm tương tự là "hai", "bốn" gồm phần trên là chữ "tứ" chỉ ý, và phần dưới là chữ "bôn" để chỉ âm là "bốn" (4).

Để tưởng nhớ đến Phùng Hưng đã nổi lên chống lại Hà Liễn Tru Cầu của Cao Chính Bình năm 791, người đời sau đã tôn ông là "Bồ Cái Đại Vương", "Bồ" là cha và "Cái" là mẹ, đây là 2 chữ Nôm mượn 2 chữ Hán có cùng âm, tức theo lối Giả Tá, còn "Bồ Cái" theo chữ Hán thì không có nghĩa gì cả. Nhà Đinh tiếp theo nhà Ngô, sau khi thống nhất 12 sứ quân đặt tên nước là "Đại Cồ Việt". "Đại" là chữ Hán, nghĩa là lớn còn "Cồ" là chữ Nôm cũng nghĩa là lớn, mượn dùng chữ Hán "Cù" nghĩa là "thấy mà nao lòng" theo lối Giả Tá; Ở đây chúng ta thấy hiện tượng dùng "đại cồ" với chữ Hán và Nôm cùng nghĩa, điều này cũng không lạ vì tương tự như ngày nay, đôi khi chúng ta dùng "in ấn", "sao chép", "nhập vào", "xuất ra", "phân chia", "riêng tư"...

Loại chữ Nôm này bắt đầu nổi tiếng với thơ Tế Cá Sấu của Hàn Thuyên vào đầu nhà Trần thế kỷ 13. Bia thời Trần Dụ Tông năm 1343 đã khắc tên tiếng Nôm 20 làng bằng lối Giả Tá chữ Hán được coi là giai đoạn khởi đầu tạo chữ Nôm. Chữ Nôm được Hồ Quý Ly, một nhà cải cách lớn của dân tộc đầu thế kỷ 15 ủng hộ, ra lệnh dùng trong triều đình và các văn thư, cho dịch "Tứ Thư Ngũ Kinh" ra chữ Nôm... Các bài thơ và câu đối bằng chữ Nôm hai nghĩa rất dí dỏm và táo bạo của bà Hồ Xuân Hương cuối thời hậu Lê đã nâng giá trị thứ chữ này lên một bậc. Đặc biệt vua Quang Trung Nguyễn Huệ (1753-1792) nhà Tây Sơn đã ra lệnh bỏ Hán văn chứ không phải bỏ chữ Hán, cổ võ dùng chữ Nôm trong văn thư, thi cử và truyền bá trong dân chúng vào hậu bán thế kỷ 18, 19... để nâng cao tinh thần dân tộc và độc lập về văn hóa.

Tiếc rằng triều đại nhà Hồ có 7 năm và Quang Trung có 15 năm, chữ Nôm khi đó cũng còn đang phát triển, chưa thống nhất (nhiều cách viết) và hoàn bị, quá phức tạp và dễ nhầm... Thời hưng thịnh của chữ Nôm được đánh dấu bằng một loạt các chuyện dân gian hay phóng tác như Chinh Phụ Ngâm, Truyện Thúy Kiều của Nguyễn Du (1765-1820), Bích Câu Kỳ Ngộ... thế kỷ 18, 19. Các tác phẩm lừng danh của nhà cách mạng Phan Bội Châu (1867-1940) đều được viết bằng Hán văn, sau đó mới được dịch ra chữ Nôm và nhất là Quốc Ngữ để truyền bá rộng rãi.

Nhà Nguyễn vì chống nhà Tây Sơn và cho là chữ Nôm còn thô sơ nên chủ trương quay về với chữ Hán. Cho đến khi Pháp đô hộ và ra sắc lệnh sử dụng chữ Quốc Ngữ (bắt đầu được hình thành từ thế kỷ 17 bởi các nhà truyền giáo Âu Tây) vào năm 1911, bắt đầu dùng dạy học từ năm 1920 và người Việt chính thức công nhận dùng trên toàn quốc từ năm 1945 thì người Việt coi như không dùng chữ Hán và Nôm nữa. Cái lợi của chữ Quốc ngữ là việc giáo dục dễ phổ cập nhưng cũng có cái hại là người thời nay hầu như bị đoạn lìa với văn hóa quá khứ tức nền văn hiến của chính mình.

4- Thời Phục Hưng Chữ Hán, Nôm

Theo với đà phát triển kinh tế, khoảng 70% vốn đầu tư vào Việt Nam là từ các nước thuộc hệ văn hóa Hán. Nên không cần kêu gọi mà số người học tiếng Hoa và Nhật gia tăng rất nhanh. Tới năm 2000, ước tính có khoảng hơn 100,000 người biết ít nhiều chữ Hán (trước đó, mỗi năm đại học Văn Khoa, ban Hoa Ngữ chỉ có độ 10-20 người học). Với thời gian, số vốn chữ Hán của những người này càng nhiều, một số người sẽ có khuynh hướng tìm hiểu thêm chữ Nôm. Do đó, đối với người Việt, chữ Hán và Nôm có cơ hội phục hưng phần nào.

Thêm nữa, cùng với sự phát triển của máy điện toán, việc đánh chữ Hán và nay đánh cả chữ Nôm (được ISO = International Standardization Organization = Tổ Chức Tiêu Chuẩn Hóa Quốc Tế chính thức công nhận) đã trở nên dễ dàng, số người theo đuổi sẽ gia tăng. Với một lúc số tối thiểu nào đó khoảng vài phần ngàn, những người biết chữ Hán và Nôm sẽ góp phần đắc lực trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc. Từ nay, bất cứ một bài thơ hiện đại nào bằng chữ Quốc Ngữ cũng có thể đánh lại bằng chữ Nôm (trong có một số chữ Hán) là thứ chữ cổ của dân tộc thì cũng là điều thú vị lắm vậy.

5- Quá Trình Tạo Chữ Nôm Trên Máy Điện Toán

Một số người cũng nghĩ tới việc đưa chữ Nôm vào máy điện toán. Tổng cộng có khoảng hơn 10,000 chữ Nôm của Việt Nam, trong đó có gần 5,000 chữ thuần Nôm và 5,000 chữ trùng hình với chữ Hán (mượn âm chữ Hán). Việc thiết kế chữ Nôm rất phức tạp, số lượng lại quá lớn, nên đã có những khởi đầu từ 8

năm qua, nhưng vẫn chưa đạt kết quả mong muốn. Về việc đưa chữ Nôm dạng chấm (dot) lên máy điện toán, chúng tôi tại Nhật Bản đã đưa một số chữ lên từ năm 1991, Viện Nghiên Cứu Hán Nôm tại Việt Nam đưa lên từ khoảng năm 1993-94 và tạm hoàn tất năm 1998 tổng cộng gần 9,000 chữ, VN-ThinArt tại Pháp Quốc đưa lên từ năm 1995, cho tới năm 1998 được khoảng 1,500-2,000 chữ cho cả máy Windows và Macintosh.

Năm 1998, hầu hết chữ Nôm đã được Viện Nghiên Cứu Hán Nôm và Viện Công Nghệ Thông Tin Việt Nam đăng ký trong bảng mã ISO (Tổ Chức Tiêu Chuẩn Hóa Quốc Tế). Từ năm 1997, khoảng 2,500 chữ thuần Nôm đã được công ty AI-Net ở Nhật Bản đưa vào hệ thống của họ, hệ thống này có thể đánh khoảng 80,000 chữ thuộc họ Hán các loại dạng chấm, tức chữ Hán cũ (phồn thể của Đài Loan, Hồng Kông, Việt Nam và đa số người Hoa ở hải ngoại), chữ Hán mới (giản thể của Trung Quốc), chữ Hán hay Quốc Tự (tương tự chữ Nôm) của Nhật Bản, chữ Hán hay Quốc Tự của Triều Tiên...

Từ năm 1999, hệ thống mới đã nâng lên tổng số 90,000 ký tự, bao gồm các văn tự thuộc họ Hán, và giúp đưa vào hầu như tất cả chữ thuần Nôm, dạng "True Type" rất đẹp, được thu gọn trên một đĩa CD-ROM. Với Windows 95/98, người Việt có thể dùng tạm, tức gọi chữ Hán ra theo lối Nhật Bản hay Trung Hoa (bằng nét, bộ, âm, mã số và cả bằng tiếng Anh...).

Tuy nhiên, cần lưu ý là hệ thống "Kim Tích Văn Tự Kính = Konjaku Moji Kyo" đánh ra chữ, phải chuyển đến bảng gắn tạm (clipboard) rồi mới chuyển vào văn bản đang đánh. Số chữ Hán của từ điển trong Windows 98 phiên bản tiếng Nhật tổng cộng là 12,156 chữ. Thông thường như vậy là cũng đủ lắm rồi. Dùng chương trình xử lý văn tự (word processor) như MS Word đánh chữ Nhật, trong có chữ Hán khá mau. Do đó, chỉ khi nào cần đánh những chữ Hán ngoài từ điển trên hay chữ Nôm của Việt Nam mới cần đến sự hỗ trợ hệ thống này.

Đối với người Việt, công ty AI-Net còn chế ra một phiên bản đặc biệt có thêm phần từ điển tra chữ Hán, Nôm (theo danh sách do chúng tôi trao gồm gần 5,000 chữ thuần Nôm đã được đăng ký ISO và do Viện Nghiên Cứu Hán Nôm cung cấp) bằng tiếng Quốc Ngữ. Chúng tôi đã đề nghị dùng lối đánh VietNet tức VIQR, như:

- "năm" đánh là "na(m)", kích nút tra tìm bộ phận sẽ hiện ra chữ Nôm là: "năm (năm tháng)" và "năm (số 5)", người dùng sẽ chọn chữ thích hợp.
- "người" đánh là "ngu+o+i'", kích nút tra tìm bộ phận sẽ hiện ra chữ Nôm là: "người".

Hệ thống này hoàn thành tháng 3/1999 và sẽ hoàn bị hơn vào năm 2000. Sau đó thì ai cũng có thể đánh Hán, Nôm được. Điều này sẽ giải quyết tận gốc rễ các bế tắc trong việc sắp chữ Hán, Nôm xưa nay của người Việt.

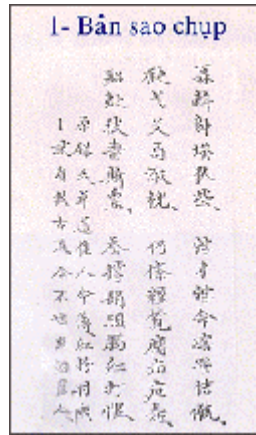
6- Triển Vọng Của Chữ Quốc Ngữ, Hán, Nôm

Chữ Quốc Ngữ được chính nhà cầm quyền Việt Nam công nhận từ 1945. Do đó, dù gì đây cũng chỉ là phần ngọn của cây văn hóa Việt Nam. Nếu muốn bảo tồn và phát huy văn hóa thì chương trình trên là công cụ tốt nhất mà nhiều người mong đợi. Việc bảo tồn và phát huy văn hóa, nhất là văn hóa cổ sẽ tiến một bước rất dài.

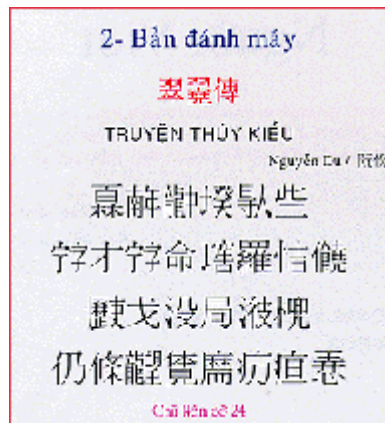
Từ đó chúng ta có thể dồn nỗ lực thu thập, ghi lại tất cả các gia sản văn hóa rải rác vào DVD. Thí dụ như từ một bản văn trên bia miếu hay sách... làm ra 4 bản:

- 1- Bản sao chụp: Đây là bản gốc để tránh ngày càng mai một không đọc được.
- 2- Bản đánh máy: Bảng Hán, Nôm rõ ràng, dễ đọc, dễ lưu trữ và truyền đi bằng máy điện toán.
- 3- Bản phiên âm: Phiên âm Hán-Việt hay Nôm cho quảng đại người Việt có thể đọc được.
- 4- Bản giải thích: Ghi chú cặn kẽ ý nghĩa, diễn tích, để mọi người Việt thời nay hiểu được...

Xem thí dụ dẫn chứng bằng 4 câu thơ Kiều dưới.



Chú ý: Chữ Nôm chưa thống nhất nên đôi khi có nhiều cách viết. Nhu kiện này không thể có đủ mọi chữ nên chọn đánh chữ tương tự.



Bản Phiên Âm

"Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng"

Bản Giải Thích

Trong cuộc đời ngắn dài 100 năm của con người, người có tài thường gặp cảnh éo le, tức nghịch cảnh như bị ông trời trêu tức vậy. Và qua sự đời lớn lao như thế là biển xanh hóa thành nương dâu. Những điều xảy ra có lắm chuyện ngang trái, thương tâm hay vô đạo khiến khi nhìn thấy càng thêm tan nát cõi lòng.

Như vậy bất cứ người Việt Nam nào cũng có thể lưu trữ và tìm hiểu cả gia sản văn hóa gần 5,000 năm văn hiến của mình. Phần văn hiến (văn kiện cổ) được dịch cho tới nay chỉ khoảng 5-10%, mà cũng không mấy người thấy hay đọc được bản gốc và điều nguy hại hơn nữa là nếu không sớm phục hồi, nhiều văn kiện cổ đang bị hư hỏng và mai một dần. Ai cũng biết, nếu chúng ta chịu khó học thêm về chữ Hán, Nôm chắc chắn sẽ "giỏi" tiếng Việt hơn.

Đánh chữ Hán - Nôm trong "KIM TÍCH VĂN TỰ KÍNH" = "KONJAKU MOJI KYO"

Hệ thống này do người Nhật thực hiện nên để sử dụng, điều kiện tiên quyết là người dùng phải biết tiếng Nhật, hay ít ra là chữ Hán, để có thể đọc được các hướng dẫn và cách đánh bằng âm Nhật hay Hoa. Nay với bản dịch cuốn cẩm nang bằng tiếng Việt, chúng tôi hy vọng có thể giúp người Việt chỉ biết ít chữ Hán (không biết tiếng Nhật và Hoa) là có thể đánh nhiều loại ký tự thuộc hệ chữ Hán (trong số đó có cả việc đánh bằng chữ Quốc Ngữ rồi đổi ra chữ Nôm rất dễ dàng).

Với hệ thống 90,000 ký tự các loại thì việc tra tìm tất nhiên rất phức tạp. Các dẫn chứng bên dưới thường dùng các chữ Hán khó, để cho thấy là dù khó như vậy vẫn có thể đánh được. So với đánh chữ La Tinh thì thời gian có thể tốn gấp 5-10 lần.

Nhưng xin đừng nản chí, hãy nhớ là hàng ngàn năm qua, chúng ta chưa bao giờ tự sắp được chữ Hán, Nôm (công việc ấy, thời phong kiến, chỉ có triều đình mới làm được ở một mức giới hạn nào đó). Cho đến đầu thập niên 90, ở Việt Nam chỉ có nhà in người Hoa, với thợ chuyên môn mới sắp được khoảng 5-10,000 con chữ bằng chì pha kẽm mà thôi. Người Việt dù giỏi chữ Hán cách mấy cũng không thể sắp chữ in ngược như vậy được. Còn chữ Nôm của chúng ta thì cho tới nay hầu hết là viết tay, nên chữ vừa to, vừa không chuyên nghiệp, khó mà đẹp và phổ biến rộng rãi được. Nay chúng ta có trong tay gần 90,000 ký tự trên máy điện toán, xét ra đã tiện lợi gấp 100 lần. Người xưa đã có câu: "Có công mài sắt, có ngày nên kim"

Nếu so với người mài sắt nên kim, hay các chuyên gia bỏ công ra thực hiện 90,000 ký tự chữ Hán các loại, có cả hầu hết chữ Nôm của chúng ta... thì việc bỏ công ra học lấy cách dùng có thấm vào đâu. Mong bạn đọc kiên trì, bước vào khu rừng chữ nghĩa mù mịt nhưng vô cùng phong phú và lắm cái hay lạ này.